

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS- ST

Ngày: 20-4-2023

V/v “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền  
trong hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tin
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sen- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về “Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- DS ngày 13/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST- DS ngày 10/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST- DS ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Đắc H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị Tuyết N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị Q trình bày:

Gia đình chị kinh doanh vật liệu xây dựng. Chị và anh Nguyễn Xuân L không có mối quan hệ gì, anh L làm nghề xây dựng, chuyên xây dựng các công trình đền thờ, miếu, chùa. Từ năm 2019 đến tháng 9/2022, anh L nhiều lần mua vật liệu xây dựng của gia đình chị. Trước đây khi mua hàng, anh L thường thanh toán sòng phẳng, gia đình chị giao hàng khi nào thì thanh toán luôn khi ấy, nếu có nợ chỉ nợ lại ít, lần trả tiền cuối cùng cho chị là ngày 20/6/2022. Đến ngày 09/9/2022 (dương lịch), chị và anh L chốt lại số nợ anh L còn nợ chị là 325.790.000đồng, anh L tự viết giấy chốt nợ và hẹn thời hạn 22/9/2022 (dương lịch) sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ, nếu không thanh toán được sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến hạn trả tiền theo như thỏa thuận ngày 22/9/2022 anh L không trả tiền cho chị. Mặc dù chị đã đến nhà anh L đòi tiền nhiều lần nhưng anh L đều khất nợ chị và hứa sẽ thanh toán hết tiền cho chị nhưng đến nay anh L vẫn chưa trả chị tiền.

Tuy việc kinh doanh của gia đình do một mình chị đứng ra kinh doanh nhưng số tiền này là tiền chung của vợ chồng chị. Việc anh L mua vật liệu xây dựng để xây dựng các công trình miếu, đình, chùa thu lợi nhuận là nhằm phát triển kinh tế và chi tiêu chung của gia đình. Nên chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị Nhung phải trả chị số tiền còn nợ mua nguyên vật liệu xây dựng là 325.790.000đồng, chị không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình anh Nguyễn Xuân L phải có trách nhiệm trả chị và anh Hải số tiền 325.790.000đồng.

*\* Bị đơn là anh Nguyễn Xuân L vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đắc H trình bày: Anh là chồng của chị Quý. Anh biết anh Nguyễn Xuân L nợ tiền mua vật liệu xây dựng là do chị Q nói cho anh biết. Cụ thể anh L mua vật liệu xây dựng của gia đình từ thời gian nào, mua với số lượng bao nhiêu, chủng loại như thế nào, trả tiền hay còn nợ bao nhiêu thì anh không biết. Hiện anh được biết anh L nợ số tiền 325.790.000đồng. Vợ chồng anh nhiều lần đến gia đình anh L đòi nợ nhưng anh L khất hết lần này đến lần khác, hứa hẹn nhiều nhưng đến nay vẫn không trả. Anh đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là chị Dương Thị Q.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Tuyết N trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Xuân L. Anh L làm nghề xây dựng, chuyên xây công trình đền thờ, chùa. Tuy nhiên chị không biết cụ thể việc làm ăn của anh L. Trong gia đình chị mỗi người một công việc, không liên quan gì đến nhau, chị không được sử dụng tiền anh L kiếm được, vợ chồng chị hiện vẫn sống chung, anh L vẫn có trách nhiệm với vợ con. Chị không đồng ý với yêu cầu của chị Dương Thị Q về việc yêu cầu chị có trách nhiệm trả nợ cùng với anh Nguyễn Xuân L. Chị xác định mình không liên quan gì đến vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

***Về ý kiến giải quyết vụ án:***

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 150; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Xuân L phải có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị Q và anh Lê Đắc H số tiền 325.790.000đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Xuân L phải chịu án phí theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Dương Thị Q.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về sự vắng mặt của, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Hải có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L, chị Nhung đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Dương Thị Q khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Xuân L trả số tiền 325.790.000đồng tiền nợ mua nguyên vật liệu xây dựng. Do anh L vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định số tiền chị Q yêu cầu anh L trả phát sinh từ việc anh L vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua tài sản trong quan hệ hợp đồng mua bán tài sản. Nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 440 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn huyện Y vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã giao nộp giấy nhận nợ, sổ theo dõi việc mua bán vật liệu xây dựng, hóa đơn bán hàng có chữ ký của anh

Nguyễn Xuân L. Khi khởi kiện nguyên đơn đã gửi đơn và các tài liệu cho bị đơn biết, bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng đều không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thì theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự được coi là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp. Có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/9/2021 đến ngày 09/9/2022 giữa anh Nguyễn Xuân L và chị Dương Thị Q có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán nguyên vật liệu xây dựng. Đến khi chấm dứt hợp đồng, các bên đã xác nhận bên mua là anh Nguyễn Xuân L còn nợ số tiền là 325.790.000đồng và cam kết thời hạn trả vào ngày 22/9/2022.

Việc anh Nguyễn Xuân L không trả chị Dương Thị Q số tiền 325.790.000đồng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Cả anh Hải và chị Q đều xác định anh L phải có trách nhiệm trả số tiền này cho vợ chồng anh. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Xuân L phải có trách nhiệm trả chị và anh Lê Đắc H số tiền 325.790.000đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Nguyễn Xuân L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 150; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ- UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Xuân L phải có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị Q và anh Lê Đắc H số tiền 325.790.000đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân L phải chịu 16.289.500đồng (Mười sáu triệu hai trăm tám chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại chị Dương Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.145.000 đồng (tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009718 ngày 14/10/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong thời hạn bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thân Văn Hiếu**